

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/03/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	846	BK4+P2+TD3	7:25	8+0+14	0+0+0		5+2+15	0+0+0	
2	406	TD5+TD2+CNV	7:25	16+6+0	0+0+0		12+7+2	0+0+0	
3	420	PVD2+P9	7:25	12+10	0+0		10+12	0+0	
4	846	P2	9:25	22	0		22	0	
5	406	P1+P10+JS2	9:25	5+17+0	0+0+0		0+16+6	0+0+0	CHUYỂN 2 PAX TỪ P1-P10
6	420	PVD2+CTK3+TD3	9:25	11+0+11	0+0+0		9+2+10	0+0+0	
7	846	P10+P11	11:25	10+12	0+0		7+14	0+0	
8	406	BK6+BK10+PVD2	11:25	4+9+9	0+0+0		0+5+8	0+0+0	
9	420	P9+BK3+BK4	11:25	14+8+0	0+0+0		14+4+3	0+0+0	

TTBĐSX

Ghi Chú: Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ BK4 3 NGƯỜI ĐH RA VỀ TRONG NGÀY



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/03/2018	TO: BK4 - P2 - TD3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Vận - TTrung - Luy	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUANG THANG	BK4					72	D-HANH	Vietnamese
2	PHAN NGOC QUYET	BK4					72	D-HANH	Vietnamese
3	NHAM DIEN BIEN	BK4					65	D-HANH	Vietnamese
4	YAKHIN	BK4	76	1	5		85	KH-THAC	Russian
5	TONG TRUNG HUY	BK4	77	1	5	50	75	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN DUC BA	BK4	81	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
7	DOAN NGUYEN BAO CHAU	BK4	78	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
8	HO VAN DUC	BK4	79-80	2	7		66	PSV	Vietnamese
9	KODZOIEV M.M	TD3	14	1	10		90	KHOAN	Russian
10	DO THANH HUNG	TD3	08-09	2	10		72	YTE	Vietnamese
11	HOANG GIANG LAM	TD3					82	PSV	Vietnamese
12	PHAM NGOC GIAO	TD3	04	1	5		50	PSV	Vietnamese
13	TRAN TRI CAO	TD3	17	1	5		60	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN VAN TUYEN	TD3	13	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM VAN BAT	TD3	05	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG MINH TOAN	TD3	11	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
17	DAO TIEN THIET	TD3	15	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
18	LAI THE DAT	TD3	12	1	10	40	90	KHOAN	Vietnamese
19	LAM VAN HANH	TD3	10	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN VAN TUAN	TD3	07	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
21	DO THANH HAI	TD3	06	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
22	LE MANH THANG	TD3					72	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	8	6	27	579	50	5		
2	P2	0	0	0	0	0	2		
3	TD3	14	13	82	1.002	40	15		
TOTAL		22	19	109	1.581	90	22		
WEIGHT KG				109	1.581	90			

GRAND TOAL: 1.780 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06-Mar-18	TO: TD5 - TD2 - CNV	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Phong - CHIẾN - DKHÁNH	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ MẠNH THẮNG	TD5	92	1	5	20	60	KHOAN	Vietnamese
2	KARPUNIN A.V	TD5	72	1	14		101	KHOAN	Russian
3	BUI VĂN CHÍNH	TD5	95	1	9		81	KHOAN	Vietnamese
4	BUI NGỌC LAM	TD5	73	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN THE	TD5	71	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN VĂN THIỆU	TD5	69	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
7	LUÔNG VĂN LƯU	TD5	93	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VĂN ĐAM	TD5	200	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM VĂN HẠNH	TD5	70	1	4		85	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN LUAN	TD5	97	1	4		57	KHOAN	Vietnamese
11	ĐÀO THANH SƠN	TD5	67	1	4		53	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VINH DUY	TD5	96	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN LAM GIANG	TD5	98	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN TRỌNG HUE	TD5	68	1	11		60	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VĂN THỰC	TD5	99	1	11		77	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN THANH NHAN	TD5	94	1	7		62	PSV	Vietnamese
17	DƯƠNG QUỐC VIỆT	TD2	36-37	2	9	40	85	KHOAN	Vietnamese
18	BADIKOV M.F.	TD2	38	1	10	30	70	KH-THAC	Russian
19	PHAN QUANG HOANG	TD2	40	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN HOANG KHA	TD2	41	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
21	LUU TIEN THANH	TD2	39	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VĂN TRUNG	TD2	67	1	11		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	16	16	105	1.126	20	12		
2	TD2	6	7	49	449	70	7		
3	CNV	0	0	0	0	30	2		
TOTAL		22	23	154	1.575	120	21		
WEIGHT KG				154	1.575	120			

GRAND TOAL: 1.849 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/03/2018	TO: PVD2 - P9 - AMD	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTHAO - Trường	ETA: 09:20
vang-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI XUÂN THÈM	PVD2	40	1	5	43	85	KHOAN	Vietnamese
2	TRAN DUC LOI	PVD2	41	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG NGOC QUAN	PVD2	50-51	2	12		77	KHOAN	Vietnamese
4	TRUONG THANH TUAN	PVD2	49	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
5	LE TIEN DUONG	PVD2	48	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
6	LE VAN TRUONG	PVD2	47	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
7	THAI PHAT	PVD2	52	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN DUC VIET	PVD2	46	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
9	LE HUU DUNG	PVD2	43	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG DUC BANG	PVD2	45	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM VAN HUNG	PVD2	44	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
12	VO THANH VE	PVD2	42	1	10		63	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN QUANG DUNG	P9	57	1	6	15	67	KH-THAC	Vietnamese
14	HỒ ĐỨC HIÊN	P9	52	1	9		53	YTE	Vietnamese
15	TRẦN VĂN QUÊ	P9	56	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NG. ĐỨC THÀNH	P9	53	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN THANH HAI	P9	60	1	5		87	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐÀO VIỆT HAI	P9	59	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI NGOC LONG	P9	51	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
20	LE TAM THUY	P9	58	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
21	LE LANG TU	P9	54	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
22	TRINH THE NHAN	P9	55	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	12	13	84	850	43	9		
2	P9	10	10	55	699	15	12		
3	AMD	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	23	139	1.549	58	22		
WEIGHT KG				139	1.549	58			

GRAND TOAL: 1.746 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/03/2018	TO: P2	AIRCRAFT: 428	ETD: 01:06
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: <i>Điền - Hùng - Toàn</i>	ETA: 12:45
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN CUONG	P2	12	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
2	HO CONG ANH	P2	13	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG QUOC BAO	P2					68	KH-THAC	Vietnamese
4	DO HUU NGUYEN	P2	09	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	DANG THANH TRUNG	P2	17	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	BIEN DANG SAM	P2	03	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN MẠNH UT	P2	14	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
8	LE CHI HAO	P2					60	KH-THAC	Vietnamese
9	PARSHIN	P2	03	1	10		86	KH-THAC	Russian
10	NGUYEN TUAN ANH	P2	07	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN DUC DUC	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG MINH QUAN	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
13	VU DINH THUAN	P2	06	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	DOAN MINH XANH	P2	08	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
15	VU VAN DONG	P2	11	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN QUYET CHIEN	P2	04	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN CHI HUONG	P2	05	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN XUAN PHONG	P2	15	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	DOAN MẠNH TOAN	P2					90	KHI	Vietnamese
20	PHAM VAN DUC	P2	16	1	5		80	T-TIN	Vietnamese
21	VU VAN TIEN	P2	01	1	5		65	PSV	Vietnamese
22	DAO MINH DUC	P2	02	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	22	17	97	1.520	0	22		
	TOTAL	22	17	97	1.520	0	22		
	WEIGHT KG			97	1.520	0			

GRAND TOAL: 1.617 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/03/2018	TO: P1 - P10 - JS2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Phong - CHIÊN - DKHÁNH	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN ĐỨC	P1	84	1	12		77	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ HỒNG LINH	P1	82	1	8	80	80	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM HỒNG PHONG	P1	83	1	11		63	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ THANH BÌNH	P1	81	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI CONG TRINH	P10	49	1	5		62	HDONG	Vietnamese
6	EVSEEV.O.V	P10	42	1	8	20	92	KH-THAC	Russian
7	BABKIN ANDREI	P10	54	1	10		90	KH-THAC	Russian
8	TRẦN HUNG MÊN	P10	50	1	5		62	YTE	Vietnamese
9	NGUYEN QUOC KHANH	P10	52	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN KIM NGỌC	P10	45	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THE HUNG	P10	48	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG SY NGUYEN	P10	55	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN HƯƠNG	P10	43	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TRỌNG BANG	P10	51	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN HỮU TRI	P10	47	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG VĂN HỘI	P10	53	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN KHANH TOAN	P10	46	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN TAM NHAN	P10	87	1	3		81	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ BAO TRUNG	P10	59	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VIET ANH	P10	44	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN QUOC PHI	P10	56	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN HUAN	P10	58	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	4	4	35	280	80	0	for	chuyen 2 pax tu P1 sang P10
2	P10	18	18	116	1.308	20	16		
3	JS2	0	0	0	0	55	6		
TOTAL		22	22	151	1.588	155	22		
WEIGHT KG				151	1.588	155			

GRAND TOAL: 1.894 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/03/2018	TO: PVD2 - CTK3 - TD3	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTHAO - Trường	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUỐC HÙNG	PVD2	58	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
2	TÔNG TIẾN QUANG	PVD2	63	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG	PVD2	62	1	12		78	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VINH KHA	PVD2	64	1	13		70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC NINH	PVD2	60	1	10		73	KHOAN	Vietnamese
6	VU HAI THANG	PVD2	61	1	12	54	75	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM VĂN TUÔNG	PVD2	57	1	8		82	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM TUNG VY	PVD2	56	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM XUÂN HÙNG	PVD2	59	1	9		67	KHOAN	Vietnamese
10	DANG TRONG BAI	PVD2	65	1	10		70	KH THAC	Vietnamese
11	TÀNG TIẾN TOÀN	PVD2	66	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN THẾ KHUÔNG	TD3	21	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
13	TÔ ĐÌNH TUYẾN	TD3	22	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
14	CAO VĂN HỘI	TD3	20	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
15	TRƯỜNG THẾ VINH	TD3	23	1	5	30	69	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN DINH MUỘI	TD3	24	1	15		73	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HIỀN	TD3	26	1	6		83	PSV	Vietnamese
18	HỒ SỸ THANH	TD3	27	1	3		57	PSV	Vietnamese
19	PHAN CHÍNH QUY	TD3	25	1	4		78	PSV	Vietnamese
20	LÊ VĂN VỌNG	TD3	30	1	3		47	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HÀ	TD3	28	1	2		62	PSV	Vietnamese
22	VU VĂN THAM	TD3	29	1	6		53	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	11	11	110	820	54	9		
2	CTK3	0	0	0	0	0	2		
3	TD3	11	11	64	727	30	10		
TOTAL		22	22	174	1.547	84	21		
WEIGHT KG				174	1.547	84			

GRAND TOAL: 1.805 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/03/2018	TO: P10 - P11 - RP2	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:50
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTHAO - TRƯỜNG	ETA: 13:30
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ ĐÌNH H VÂN	P10	61	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN NAM	P10	63	1	7		92	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN TRỌNG MẠNH	P10	62	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
4	HUỶNH CÔNG VĂN	P10	67	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ LỆNH ĐẠO	P10	66	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
6	TRỊNH XUÂN QUÂN	P10	65	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGÔ QUANG THẮNG	P10	64	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN CÔNG PHU	P10	68	1	6		80	CODIEN	Vietnamese
9	HOANG QUOC HUY	P10	69	1	10	102	65	CODIEN	Vietnamese
10	TÀ VĂN VIỆT	P11	08-09	2	16		77	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG MẠNH CUÔNG	P11					65	KH-THAC	Vietnamese
12	CAO MINH HOANG	P11	10	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN CÔNG HOANG	P11	13	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
14	MAI CÔNG LAN	P11	16	1	3	70	67	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN CỎ	P11	12	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI VĂN TUẤN	P11					54	KH-THAC	Vietnamese
17	VU ĐĂNG HOANG	P11	15	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ NGỌC ANH	P11	14	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGÔ THAI HA	P11	07	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN QUANG TÂN	P11	17	1	5		60	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HIỀN	P11	11	1	6		72	PSV	Vietnamese
22	HUỶNH QUOC HUY	RP2	73-74	2	15	19	75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	9	9	57	678	102	6		
2	P11	12	11	64	792	70	14		
3	RP2	1	2	15	75	19	2		
TOTAL		22	22	136	1.545	191	12		
WEIGHT KG				136	1.545	191			

GRAND TOAL: 1.872 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/03/2018	TO: BK6 - BK10 - PVD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:55
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Phong - TUYỀN - DKHÁNH	ETA: 13:35
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU MINH ĐỨC	BK6	47	1	14		92	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THANH TÂM	BK6	50	1	12		77	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN QUỐC TRI	BK6	48	1	8	70	70	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM THAI SON	BK6	49	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
5	SHENSIN D.	BK10	18	1	7		105	KH-THAC	Russian
6	TRẦN CÔNG HOÀN	BK10	15	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN CHÂU NAM	BK10	16	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM HIEN TRƯỜNG	BK10	46	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN NGỌC SON	BK10	17	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN KHƯƠNG	BK10	14	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG CÔNG DANH	BK10	47	1	11	38	80	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYEN THANH TUNG	BK10	48	1	10		74	CODIEN	Vietnamese
13	ĐẶNG NHẬT ANH	BK10	45	1	5		62	PSV	Vietnamese
14	KRAVTSOV ALEXANDE	PVD2	73	1	10		70	KHOAN	Russian
15	NGUYỄN THIỆU BÌNH	PVD2	75-76	2	15		60	KHOAN	Vietnamese
16	ĐẠO ANH HUYNH	PVD2	72	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN MINH THAO	PVD2	80	1	15		67	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM THẾ QUANG	PVD2	77	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
19	TẠ KIM HẢI	PVD2	78-79	2	12		72	KHOAN	Vietnamese
20	BOIKO D.G	PVD2	74	1	12		100	KH-THAC	Russian
21	DUONG THE DUC	PVD2	83	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐỖ VĂN TRƯỜNG	PVD2	82	1	10	15	65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	4	4	43	309	70	0		
2	BK10	9	9	57	666	38	5		
3	PVD2	9	11	104	647	15	9		
TOTAL		22	24	204	1.622	123	14		
WEIGHT KG				204	1.622	123			

GRAND TOAL: 1.949 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06-Mar-18	TO: P9 - BK3 - BK4	AIRCRAFT: 428	ETD: 13:00
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - HUNG - Toan	ETA: 14:30
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN XUÂN HƯƠNG	P9	63	1	6		56	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN ĐÀ KHA	P9	72	1	3		83	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HOÀI THANH	P9	68	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
4	TRỊNH HUY KHIÊM	P9	66	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
5	LUƠNG XUÂN THAI	P9	71	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH TÙNG	P9	75	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẬU THẾ HẢI	P9	67	1	3		79	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC TIỀN	P9	65	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HIỆU	P9	69	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TUẤN ANH	P9	70	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN NGỌC ĐỘ	P9	64	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
12	HƯA SÂY	P9	74	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI XUÂN THUY	P9	73	1	5		51	KH-THAC	Vietnamese
14	NG. MINH HIẾN	P9	62	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ VĂN TỬ	BK3					75	KH-THAC	Vietnamese
16	LE CÔNG VINH	BK3	20	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI ĐỨC THUAN	BK3	17	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐỖ TUẤN VIỆT	BK3	18-19	2	16	90	68	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN VINH TRUONG	BK3	14	1	9		61	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN THANH	BK3	15	1	12		74	DVL	Vietnamese
21	MULNHIUCHKIN V.V	BK3	13	1	15		92	DVL	Russian
22	NGUYỄN ĐỨC MÃN	BK3	16	1	5		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	14	14	65	955	0	14		
2	BK3	8	8	67	568	90	4		
3	BK4	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	22	132	1.523	90	21		
WEIGHT KG				132	1.523	90			

GRAND TOTAL: 1.745 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/03/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3+P1+BK6	7:25	16+4+0	0+0+0		10+0+0	0+0+0	CHUYỂN 8 PAX TỪ P1-BK6
2		CLO+CTK3+PPD	7:25	2+2+17	0+0+0		0+4+18	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ CTK3-PPD
3		AMD	7:25	8	0		8	0	DIỆU TRA TNLD-STAND BY
4		P4+TD2+PPD	9:25	15+2+4	0+0+0		12+3+7	0+0+0	
5		RC4+RC5+MRM	9:25	2+8+12	0+0+0		0+5+9	0+0+0	

TTBBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/03/2018	TO: RP3 - P1 - BK6	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Khang - MTuấn - Vũ	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HOANG NAM	RP3	49	1	5	20	84	KHI	Vietnamese
2	VU MANH CUONG	RP3	61	1	6		64	KHI	Vietnamese
3	LE HOANG ANH	RP3	51	1	5		65	KHI	Vietnamese
4	BUI VAN PHU	RP3	47	1	3		74	KHI	Vietnamese
5	KPYLOV D.A	RP3	60	1	9		105	KHI	Russian
6	NGUYEN THANH HA	RP3	56	1	4		80	KHI	Vietnamese
7	ĐẶNG HUY KHANH	RP3	50	1	5		79	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN CHINH THI	RP3	57	1	3		74	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN HAI SANG	RP3	52	1	5		59	KHI	Vietnamese
10	PHAM DUY DUNG	RP3					75	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN VAN BINH	RP3	55	1	5		65	KHI	Vietnamese
12	TRAN VUONG HUNG	RP3	53-54	2	6		82	KHI	Vietnamese
13	ĐOAN MINH TUAN	RP3	48	1	13		62	CODIEN	Vietnamese
14	TRAN DUONG	RP3	45-46	2	11		62	CODIEN	Vietnamese
15	ĐINH MAI THIEN	RP3	58-59	2	18		70	CODIEN	Vietnamese
16	LE MANH HUNG	RP3	63	1	10		70	ANTOAN	Vietnamese
17	VU VAN TINH	P1	90	1	6		70	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYEN HONG QUAN	P1	93	1	8		74	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYEN TOAN THANG	P1	92	1	12		69	CODIEN	Vietnamese
20	CHU TUAN ANH	P1	91	1	8		59	CODIEN	Vietnamese
21	BUI DUC ANH	BK6	17	1	7	57	69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	16	18	108	1.170	20	10		CHUYEN 8 PAX TU P1 SANG BK6
2	P1	4	4	34	272	0	0+8		
3	BK6	1	1	7	69	57	0		
TOTAL		21	23	149	1.511	77	10		
WEIGHT KG				149	1.511	77			

GRAND TOAL: 1.737 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/03/2018	TO: CLO - CTK3 - PPD	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Vận - DUONG - Luy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN QUYET	CLO	01	1	5	34	70	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN THE DUNG	CLO	02	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
3	PHAM VAN Y	CLO	03	1	15		70	DVL	Vietnamese
4	PHAM XUAN HOA	CTK3	79	1	7	5	70	YTE	Vietnamese
5	TRAN NGUYEN TAN TAI	PPD	28	1	7		70	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN VAN CUONG	PPD					67	KHI	Vietnamese
7	PHAM DUC TUAN	PPD	32	1	5		70	KHI	Vietnamese
8	ĐINH NGOC QUY	PPD	30-31	2	7		70	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC THU	PPD	27	1	5		60	KHI	Vietnamese
10	HA THE BAO	PPD	37	1	7		75	KHI	Vietnamese
11	VO QUANG DAT	PPD	33	1	8		65	KHI	Vietnamese
12	LE HONG PHONG	PPD	39	1	7		80	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN TRUONG SON	PPD	43	1	5		60	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN HUY TRUONG	PPD	35	1	3		62	KHI	Vietnamese
15	DOAN VIET DIEP	PPD	38	1	4		62	KHI	Vietnamese
16	BUI NGOC HUONG	PPD	34	1	5		65	KHI	Vietnamese
17	VU VAN CHIEN	PPD	36	1	5		63	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC ANH	PPD	40	1	5		60	KHI	Vietnamese
19	NGHIEM XUAN MINH	PPD	29	1	5		60	KHI	Vietnamese
20	TRUONG HAI HA	PPD	41	1	5		62	KHI	Vietnamese
21	ĐAO ANH TUAN	PPD	42	1	5		70	KHI	Vietnamese
22	NGUYEN THANH SON	PPD	44	1	5		60	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	3	3	28	200	34	0		
2	CTK3	1	1	7	70	5	4	1	CHUYEN 1 PAX TU CTK3 SANG PPD
3	PPD	18	18	93	1.181	0	18		1NB NGUYEN THANH HAI THAY CA CTK3
TOTAL		22	22	128	1.451	39	22		
WEIGHT KG				128	1.451	39			

GRAND TOAL: 1.618 KGS

VSP REP.
[Signature]

VNH REP.
[Signature]

CAPTAIN
[Signature]



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/03/2018	TO: AMD (+4h)	AIRCRAFT: 610	ETD: 08:00
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Thủy - TÙNG - TPHƯƠNG	ETA: 14:00
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	Michael Foley	AMD	20-21	2	10		91	KH-THAC	Australian
2	Zainal Muchtadin	AMD	18	1	3		67	KH-THAC	Indonesian
3	Vu Van Cuong	AMD					60	KH-THAC	Vietnamese
4	Nguyen Tien Loi	AMD					70	KH-THAC	Vietnamese
5	Le Duc Hung	AMD	22	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
6	MEDVEDEVSKIKH SERGEY	AMD	17	1	2		97	KH-THAC	Russian
7	Tran Quang Vinh	AMD	19	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
8	Tran Thanh Tai	AMD					64	KH-THAC	Vietnamese
9	Tran Minh	AMD					76	KH-THAC	Vietnamese
10	Nguyen Van Vinh	AMD	16	1	3		59	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	10	7	32	712	0	10		
	TOTAL	10	7	32	712	0	10		
	WEIGHT KG			32	712	0			

GRAND TOAL: 744 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07-Mar-18	TO: P4 - TD2 - PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Khang - MTuấn - Vũ	ETA: 11:20
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THANH TRUNG	P4	62	1	5		67	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN ĐỨC HẠNH	P4					68	KHI	Vietnamese
3	BUI THANH AN	P4	68	1	6		65	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN BẠCH DUONG	P4	59-60	2	7		73	KHI	Vietnamese
5	TRINH XUÂN HUYỀN	P4	70	1	4	70	72	KHI	Vietnamese
6	PHAM HUU THO	P4	67	1	6		70	KHI	Vietnamese
7	NGO VAN HA	P4	63	1	4		70	KHI	Vietnamese
8	ĐỖ ĐỨC LONG	P4	61	1	3		55	KHI	Vietnamese
9	HOANG VAN HUNG	P4	69	1	4		73	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN HONG PHUC	P4	71	1	5		70	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN TRỌNG KIEM	P4	64	1	6		80	KHI	Vietnamese
12	HOANG TRỌNG TAN	P4	58	1	8		72	KHI	Vietnamese
13	TRẦN VĂN THAI	P4	75	1	3		70	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN VAN ANH	P4	66	1	6		60	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN THANH GIAP	P4	57	1	4		70	KHI	Vietnamese
16	BUI AN	P4	65	1	8		70	H-DONG	Vietnamese
17	TRẦN CÔNG HÀ	TD2	48-49	2	15		80	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ HAI SƠN	TD2	50	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ HUY VINH	PPD	47	1	6		65	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN VAN CHIEN	PPD	45	1	4		55	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN PHUC HAU	PPD	48-49	2	13		70	KHI	Vietnamese
22	VU ĐỨC HOANG	PPD	46	1	5		70	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	16	16	79	1.105	70	12		
2	TD2	2	3	19	155	0	3		
3	PPD	4	5	28	260	0	7		
TOTAL		22	24	126	1.520	70	22		
WEIGHT KG				126	1.520	70			

GRAND TOAL: 1.716 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/03/2018	TO: RC4 - RC5 - MRM	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:45
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Văn - DUONG - Luy	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THANH HUNG	RC4	33	1	12	20	75	KH-THAC	Vietnamese
2	HUYNH THANH LAM	RC4	32	1	7		75	CODIEN	Vietnamese
3	PHAM DE	RC5	61	1	10		78	XAYLAP	Vietnamese
4	TRAN VAN TOAN	RC5	57-58	2	12	20	67	XAYLAP	Vietnamese
5	DO TRONG LUONG	RC5	59-60	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
6	BUI NGOC HOANG	RC5	51-52	2	10		60	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN THANH TRUNG	RC5	55-56	2	7		64	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN PHUC SANG	RC5	53-54	2	15		63	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAM VAN DAO	RC5	63,85	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAM DINH HUNG	RC5	62	1	7		67	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN VIET TRUNG	MRM	19	1	15		90	KHOAN	Vietnamese
12	MAI DUY KHANH	MRM	16	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
13	BUI VAN THIEN	MRM	26-27	2	12		90	KHOAN	Vietnamese
14	DOAN BUU TAM	MRM	25	1	10		110	KHOAN	Vietnamese
15	NGO VAN SON	MRM	22	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
16	MAI THE HIEN	MRM	23-24	2	12		85	KHOAN	Vietnamese
17	TRINH QUOC KHANH	MRM	15	1	5	33	100	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN VAN NGHIA	MRM	34	1	10		70	DVL	Vietnamese
19	LIEU THAI THAO NGHI	MRM	20-21	2	15		62	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN ANH TUAN	MRM	28-29	2	15		75	DVL	Vietnamese
21	NGUYEN NGOC BAO	MRM	15	1	15		78	DVL	Vietnamese
22	VU DINH TUAN	MRM	17	1	10		75	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	2	2	19	150	20	0		
2	RC5	8	14	95	539	20	5		
3	MRM	12	16	139	980	33	9		
TOTAL		22	32	253	1.669	73	14		
WEIGHT KG				253	1.669	73			

GRAND TOAL: 1.995 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN